

Kế toán Ngân hàng với hoạt động giao dịch với khách hàng



Người trình bày: Ths Đinh Đức Thịnh
Chủ nhiệm Bộ môn Kế toán Ngân hàng
Học viện Ngân hàng

Mục đích chuyên đề



- Nắm được mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại các Ngân hàng thương mại trong môi trường công nghệ cao
- Các kênh phân phối chủ yếu của NHTM
- Nắm được thực trạng & xu hướng phát triển hệ thống thanh toán qua Ngân hàng

Đối tượng KTNH tác động đến hoạt động giao dịch



- Đối tượng của Kế toán nói chung là *Vốn và sự vận động của nó trong quá trình SX, KD*
- Đối tượng của Kế toán NHTM là *Vốn và sự vận động của nó trong quá trình thực hiện các chức năng của NH. Có sự khác biệt:*
 - 👉 Chủ yếu tồn tại dưới hình thức giá trị
 - 👉 Có mối quan hệ chặt chẽ với các DN, TCKT, CN..
 - 👉 Quy mô lớn, phạm vi rộng, vận động thường xuyên
 - 👉 Hệ thống ngân hàng hai cấp, chức năng nhiệm vụ mỗi cấp khác nhau nên đối tượng cũng khác nhau.

Nhiệm vụ

- Ghi chép, phản ánh, tính toán theo đúng pháp luật, chuẩn mực kế toán
- Phân loại, tổng hợp, phân tích & cung cấp thông tin cho các đối tượng để QL, quản trị, kinh doanh ngân hàng
- ☞ Giám đốc quá trình SD tài sản, tăng cường kỷ luật tài chính, củng cố chế độ hạch toán XHCN
- ☞ Tổ chức tốt công tác kế toán tại chi nhánh cũng như toàn hệ thống, giao dịch với khách hàng văn minh, góp phần thực hiện chiến lược khách hàng

Đặc điểm của kế toán ngân hàng



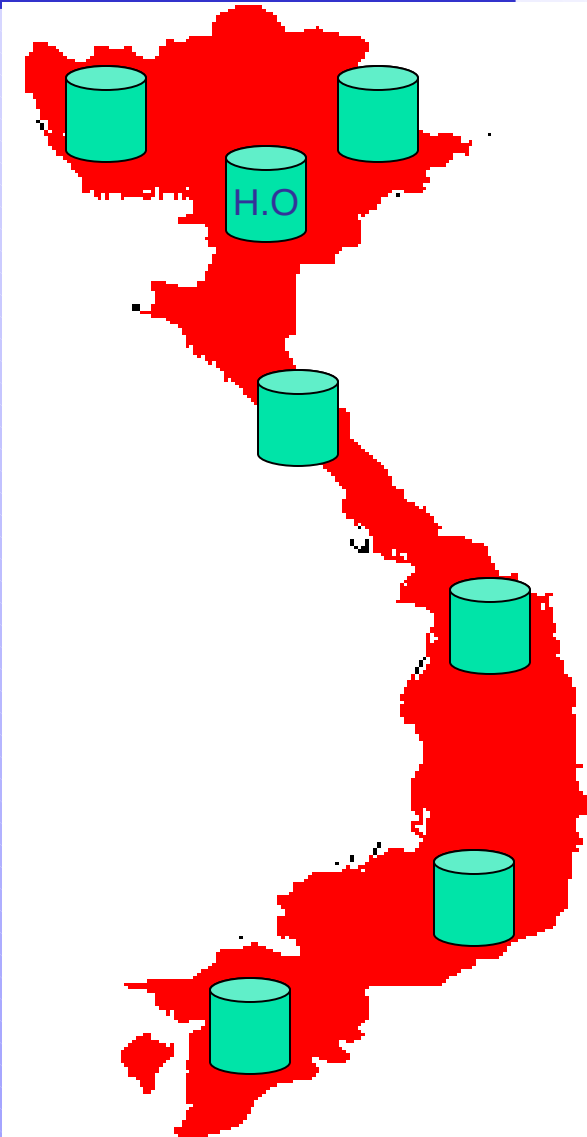
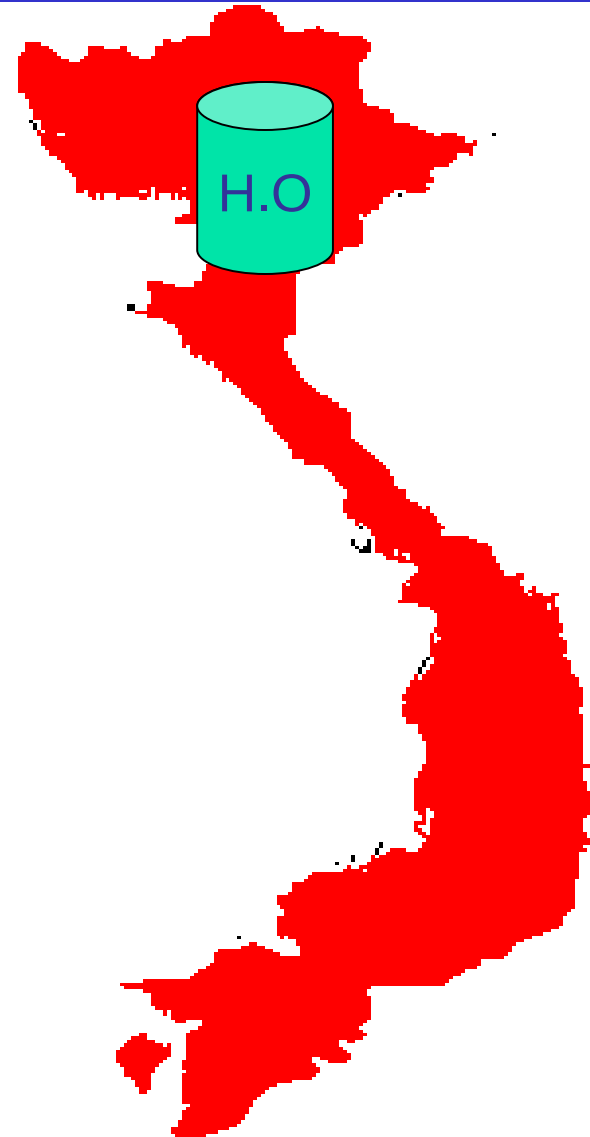
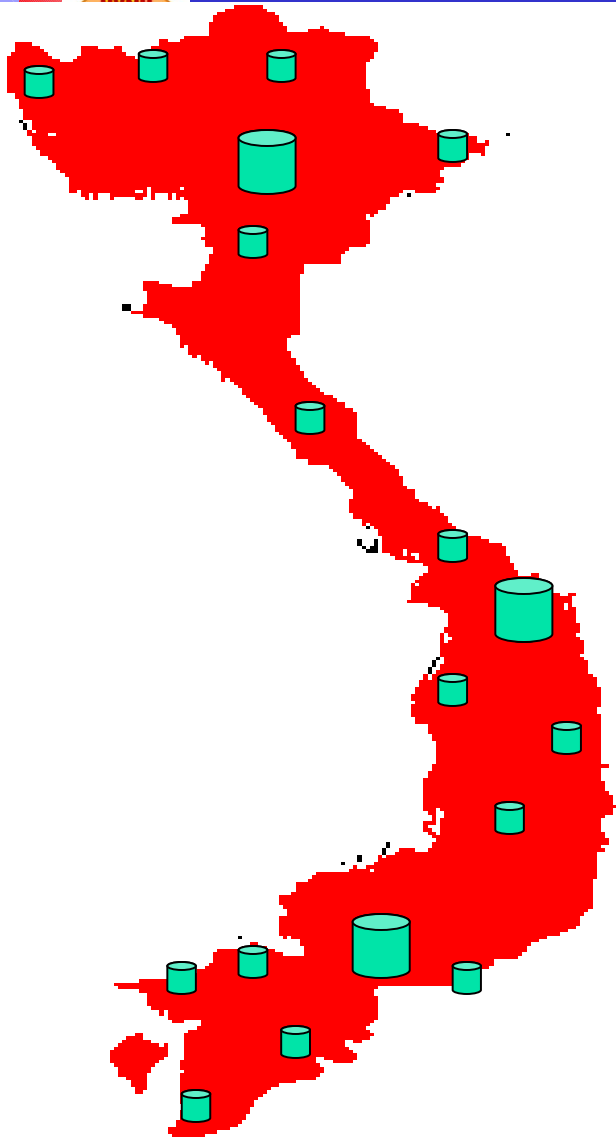
- Kế toán ngân hàng mang tính tổng hợp cao
- Mang tích “cập nhật” và chính xác cao
- ☞ Tiến hành đồng thời giao dịch và hạch toán
- ☞ Chứng từ kế toán ngân hàng có khối lượng rất lớn, đa dạng và luân chuyển phức tạp
- Sử dụng thước đo tiền tệ làm đơn vị đo lường chủ yếu trong hầu hết các nghiệp vụ

Mô hình tổ chức công tác kế toán

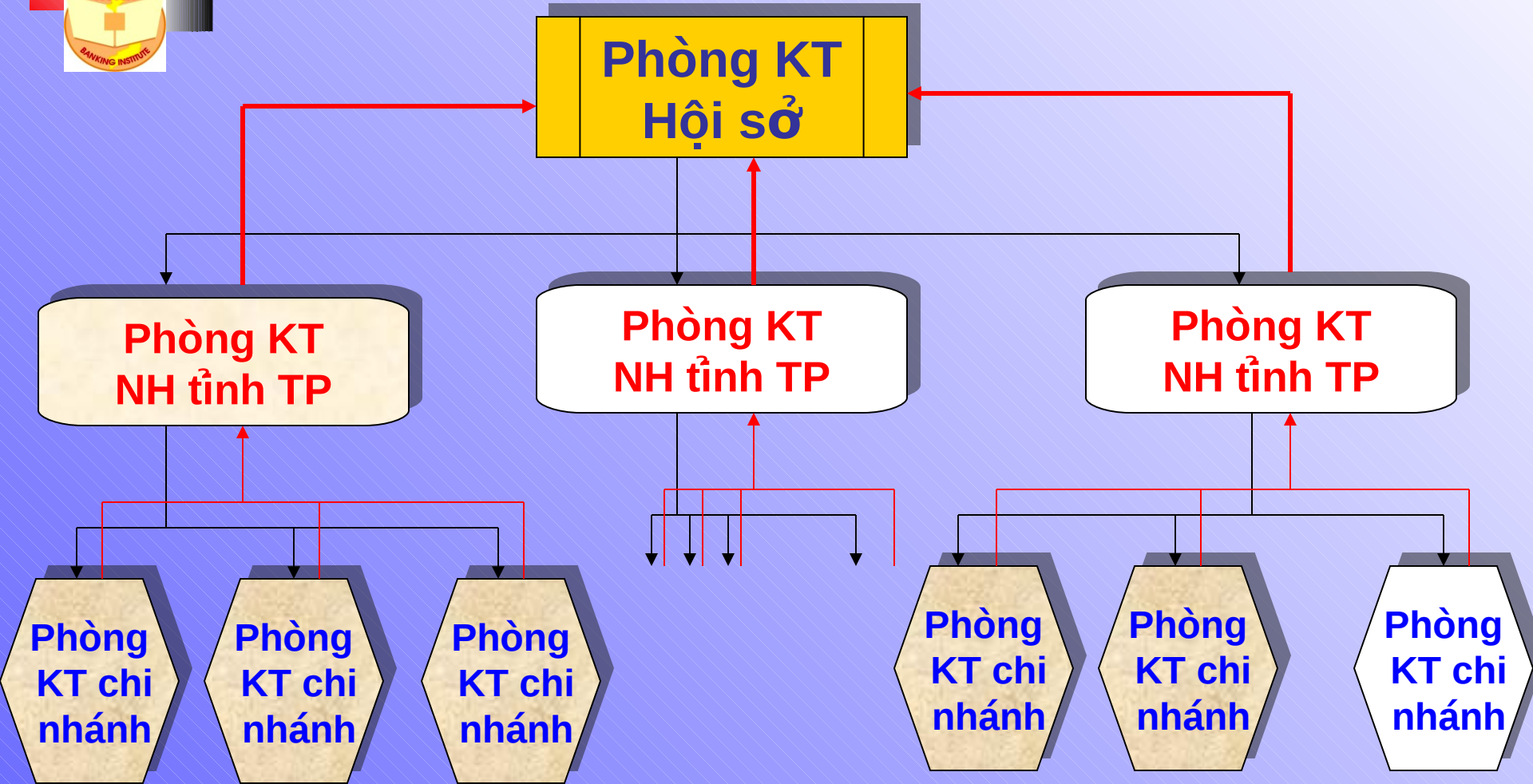


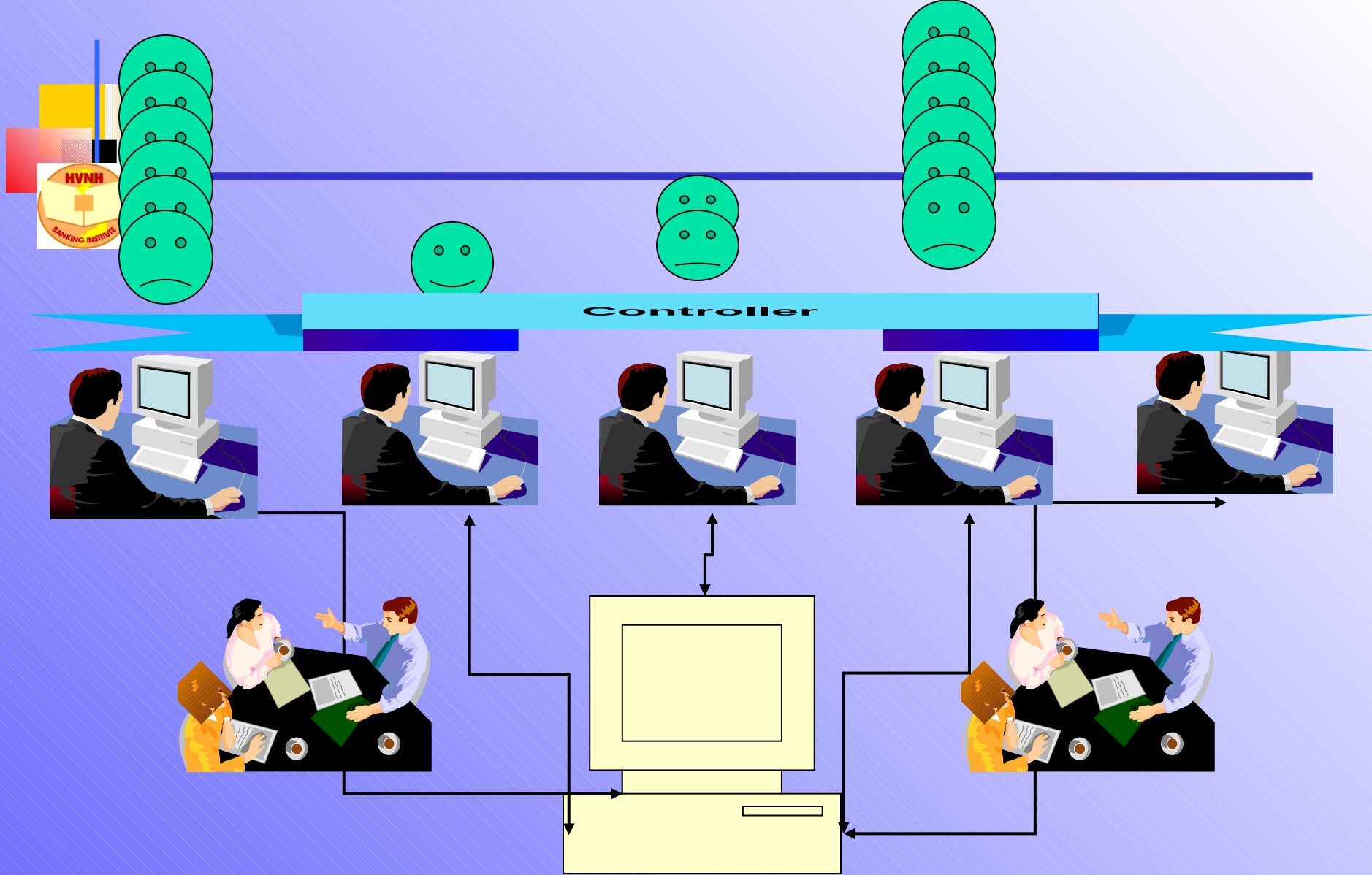
- Kế toán phân tán
- ☞ Kế toán tập trung
- Kế toán vừa tập trung vừa phân tán (Kế toán phi tập trung)
- ☞ Kế toán khi ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại.

Mô hình kế toán phân tán, kế toán tập trung & kế toán phi tập trung



Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán phân tán





Cấu trúc xử lý nghiệp vụ cấp chi nhánh

HVNH

Self Services



Customer Services

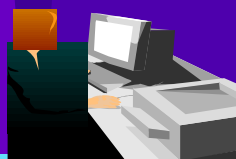
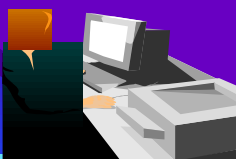
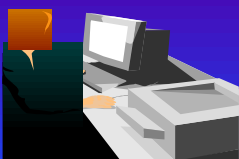


Deposit

withdraw

Transfer

personel



Controller



Back office

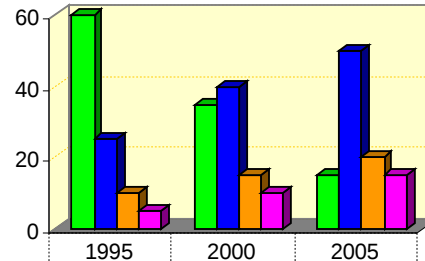


Thay đổi kênh phân phối

Phân phối tự nhiên

Phân phối qua điện tử

Biến động các kênh phân phối

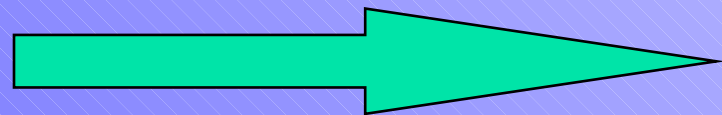
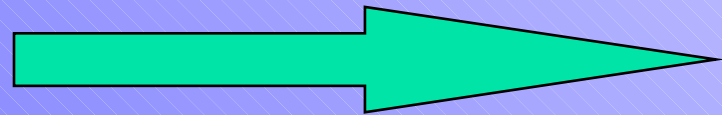
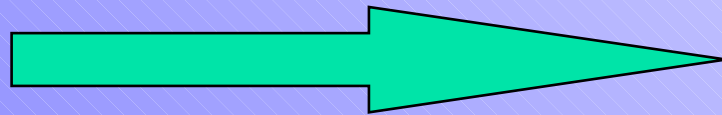


	1995	2000	2005
Branches	60	35	15
Self-Service	25	40	50
Telephone	10	15	20
PC/Other	5	10	15

Mong muốn của khách hàng

Ngân hàng

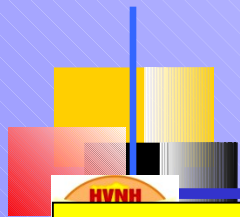
Cho phép của Công nghệ



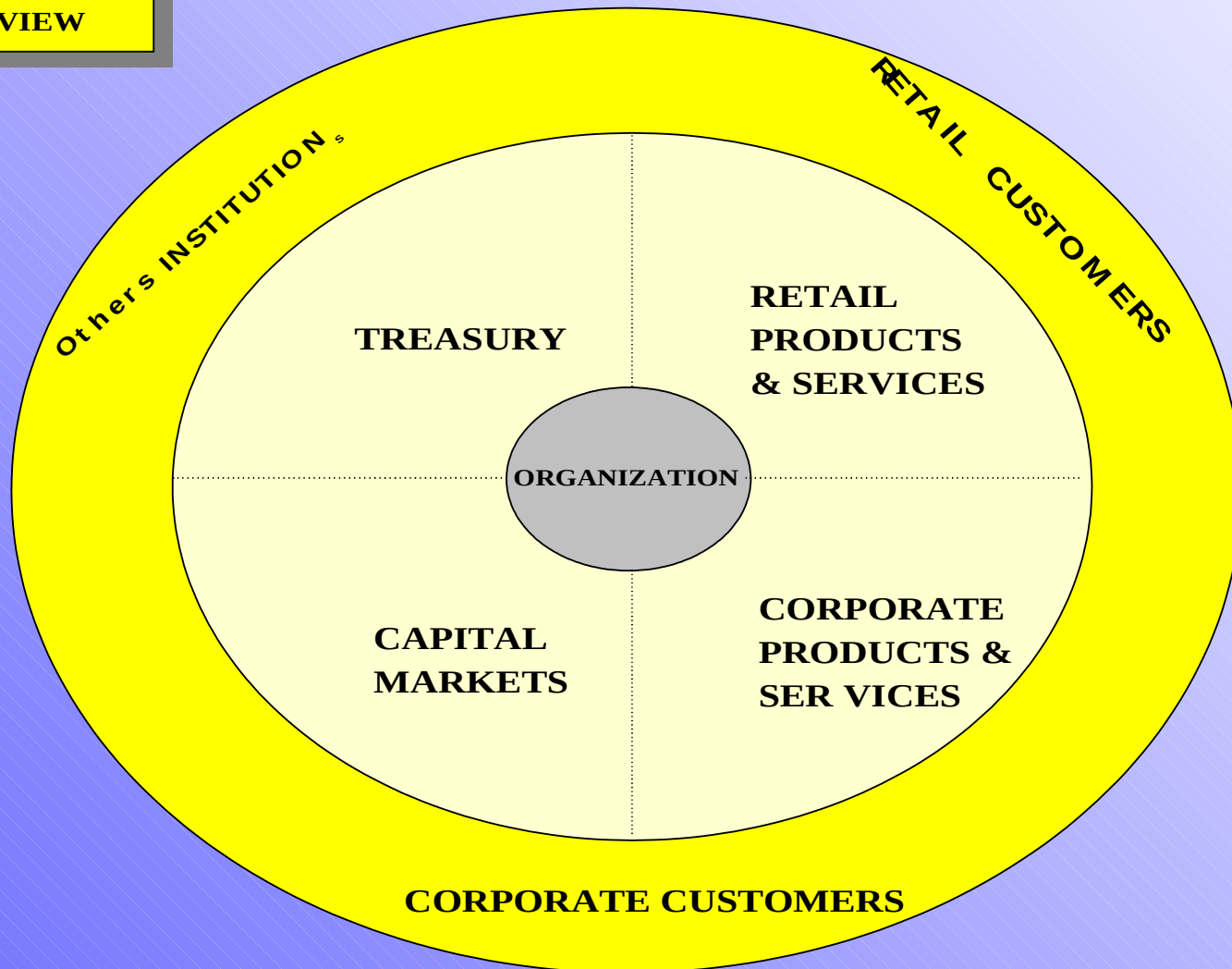
- Tốc độ.
- Tiện ích.
- Thân thiện

- Hiệu quả chi phí
- Thay đổi từ mạng lưới chi nhánh

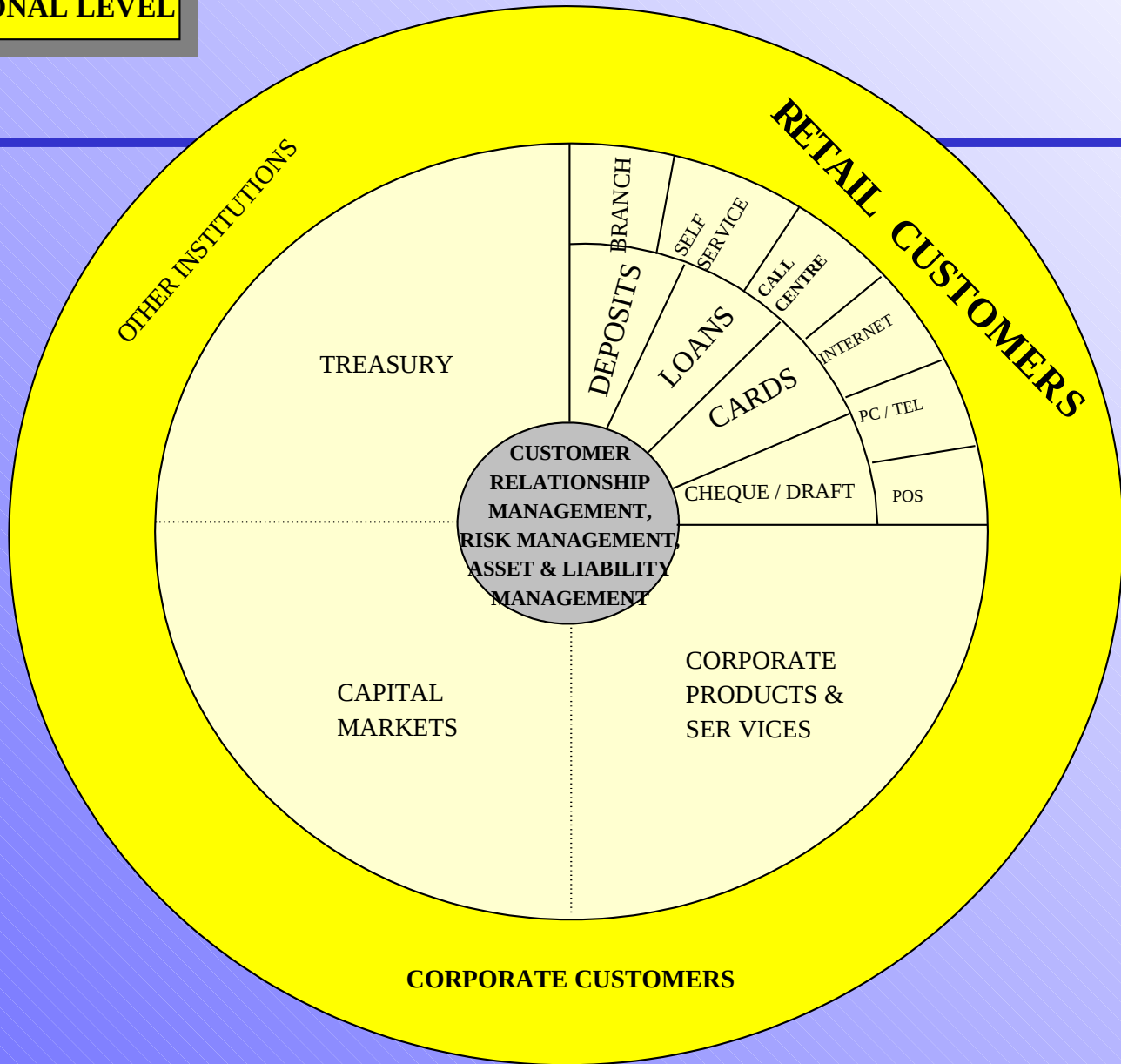
- Internet
- Smart cards



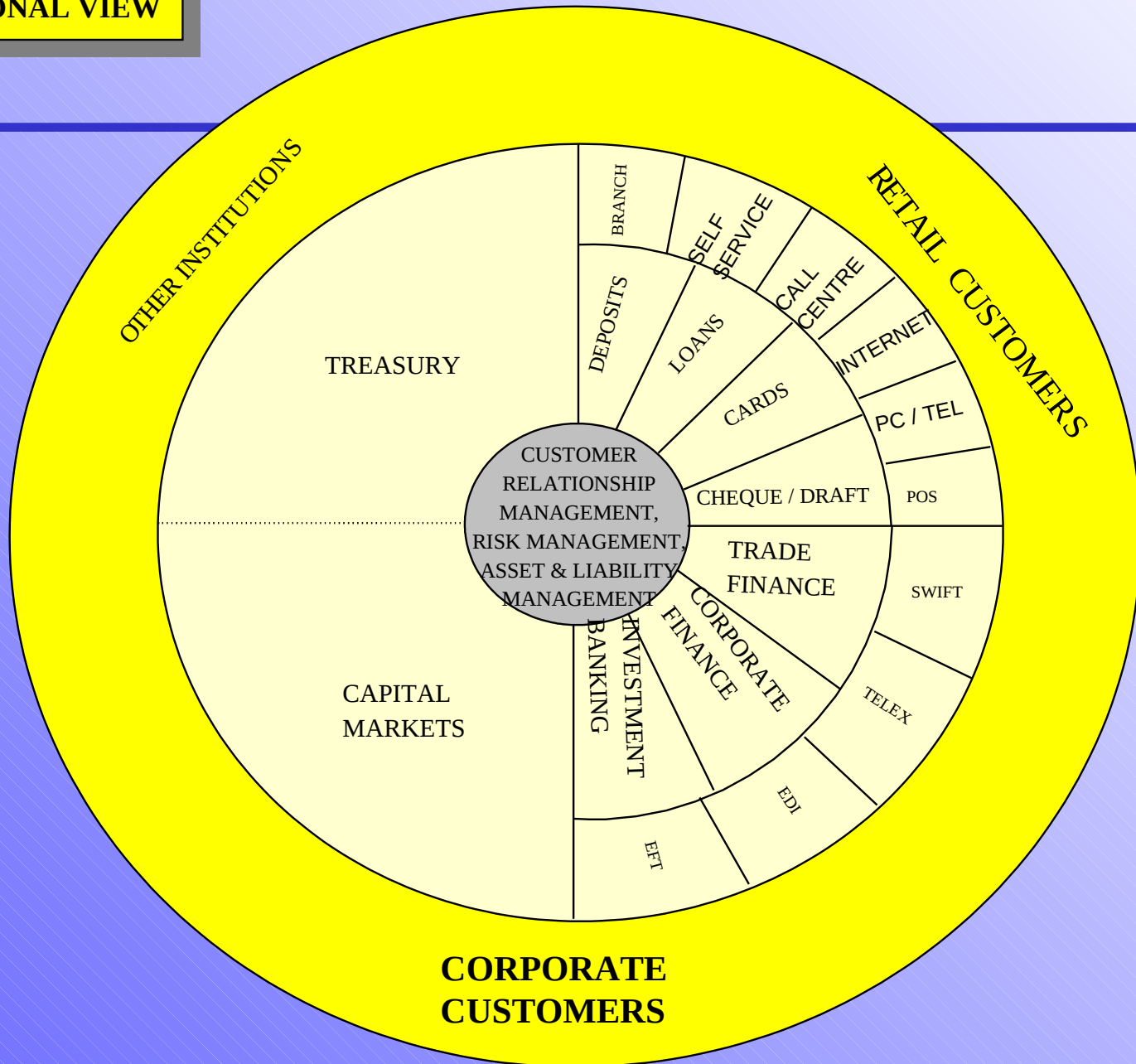
BUSINESS VIEW



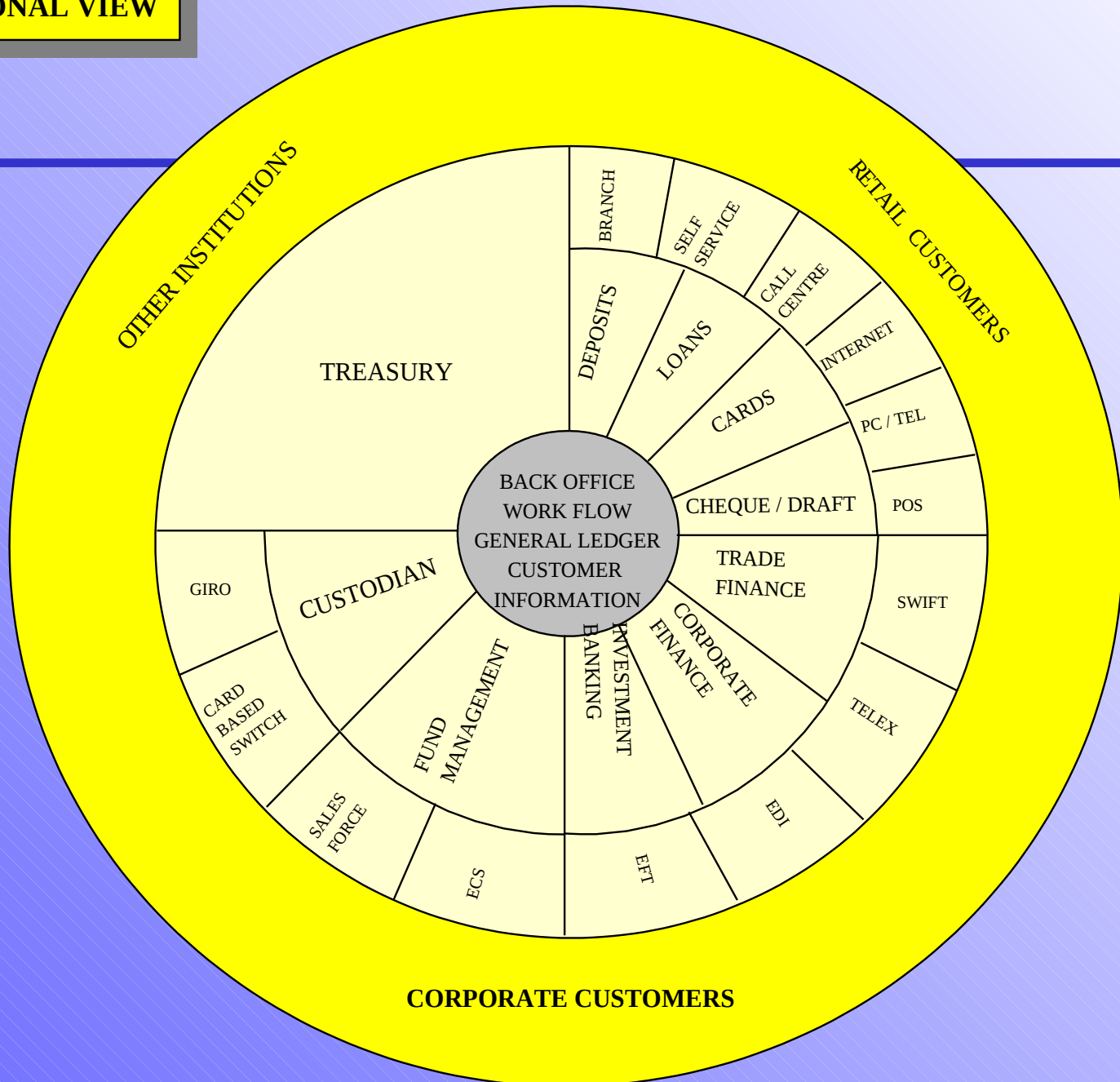
OPERATIONAL LEVEL



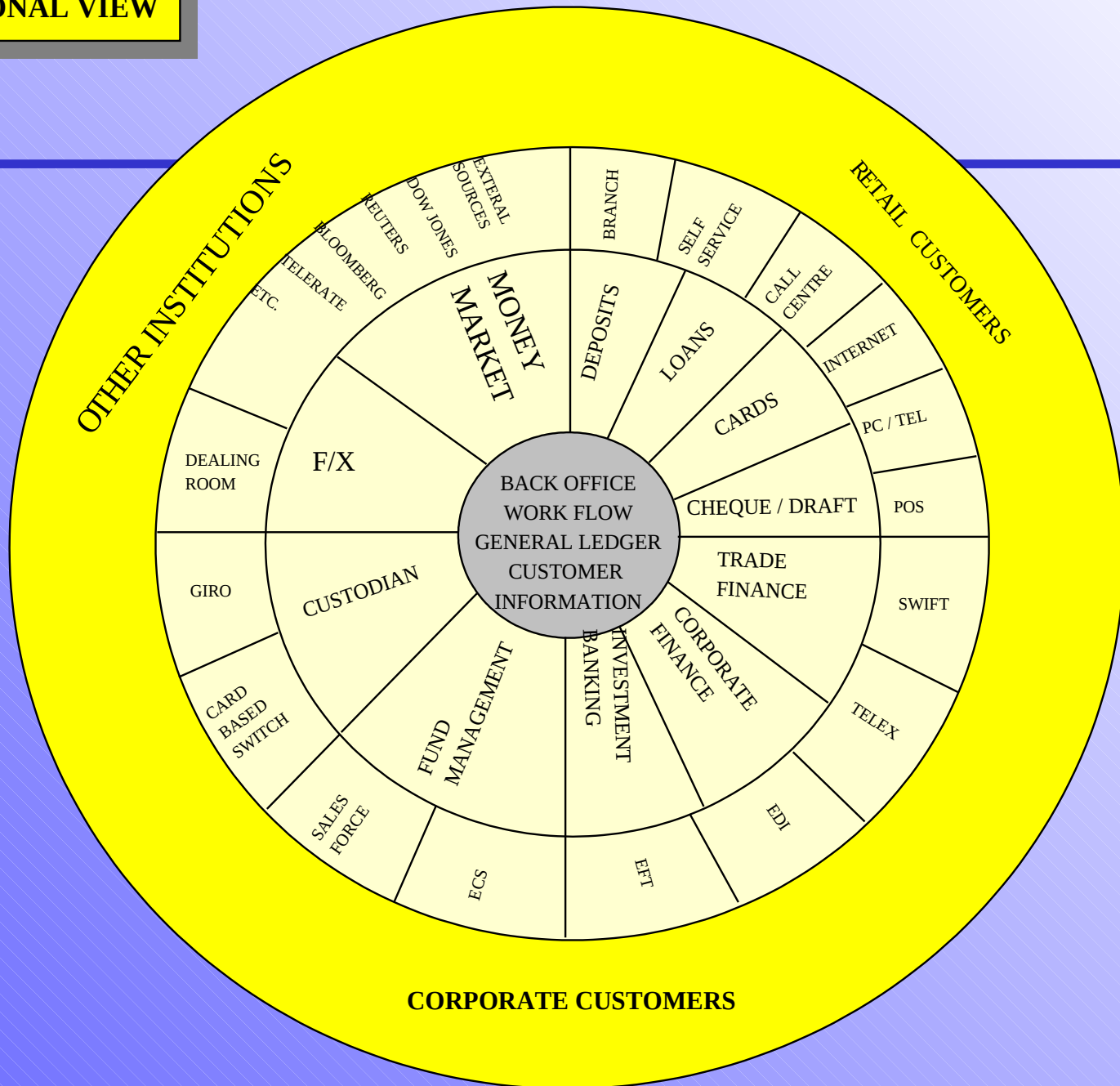
OPERATIONAL VIEW



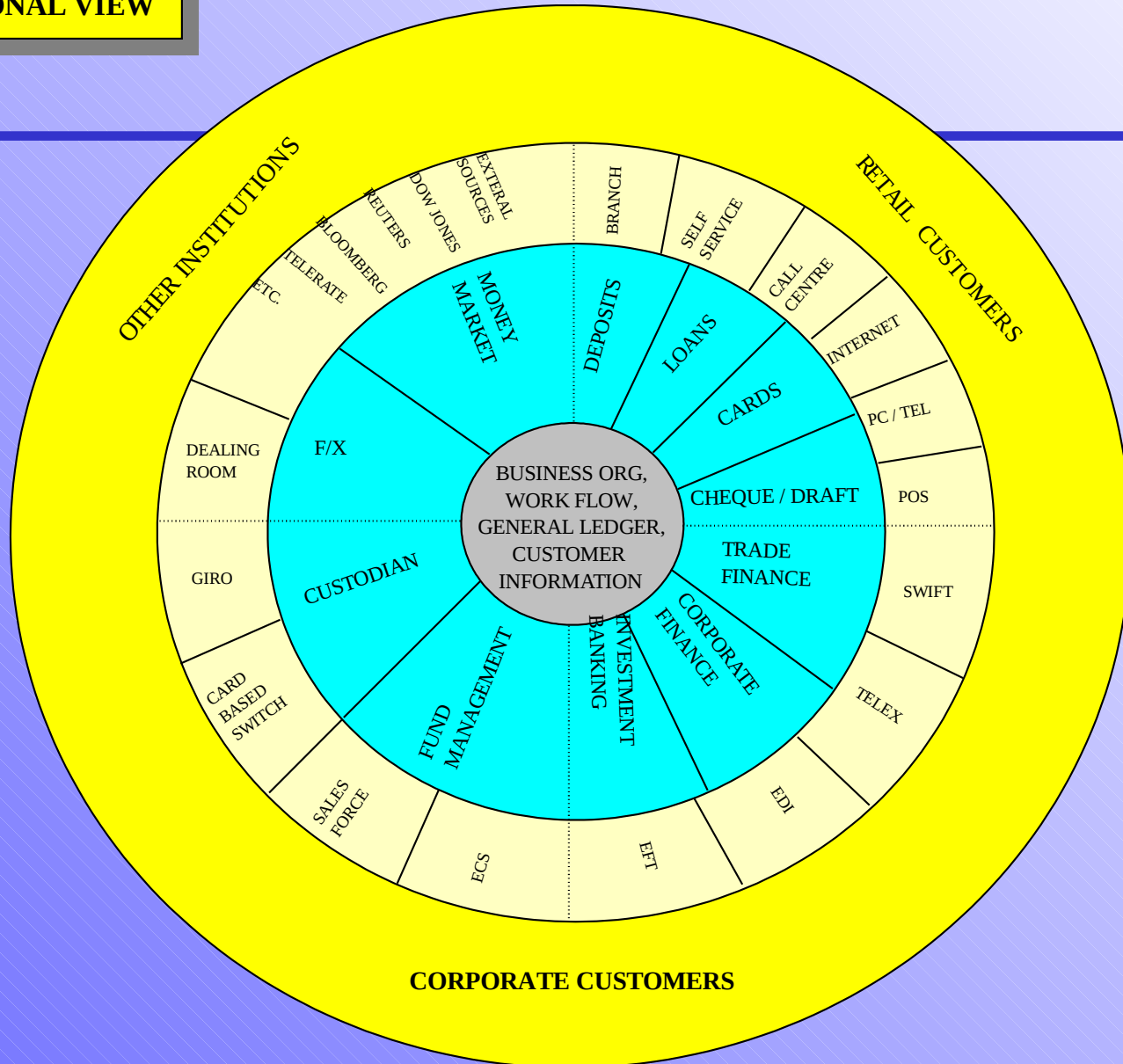
OPERATIONAL VIEW



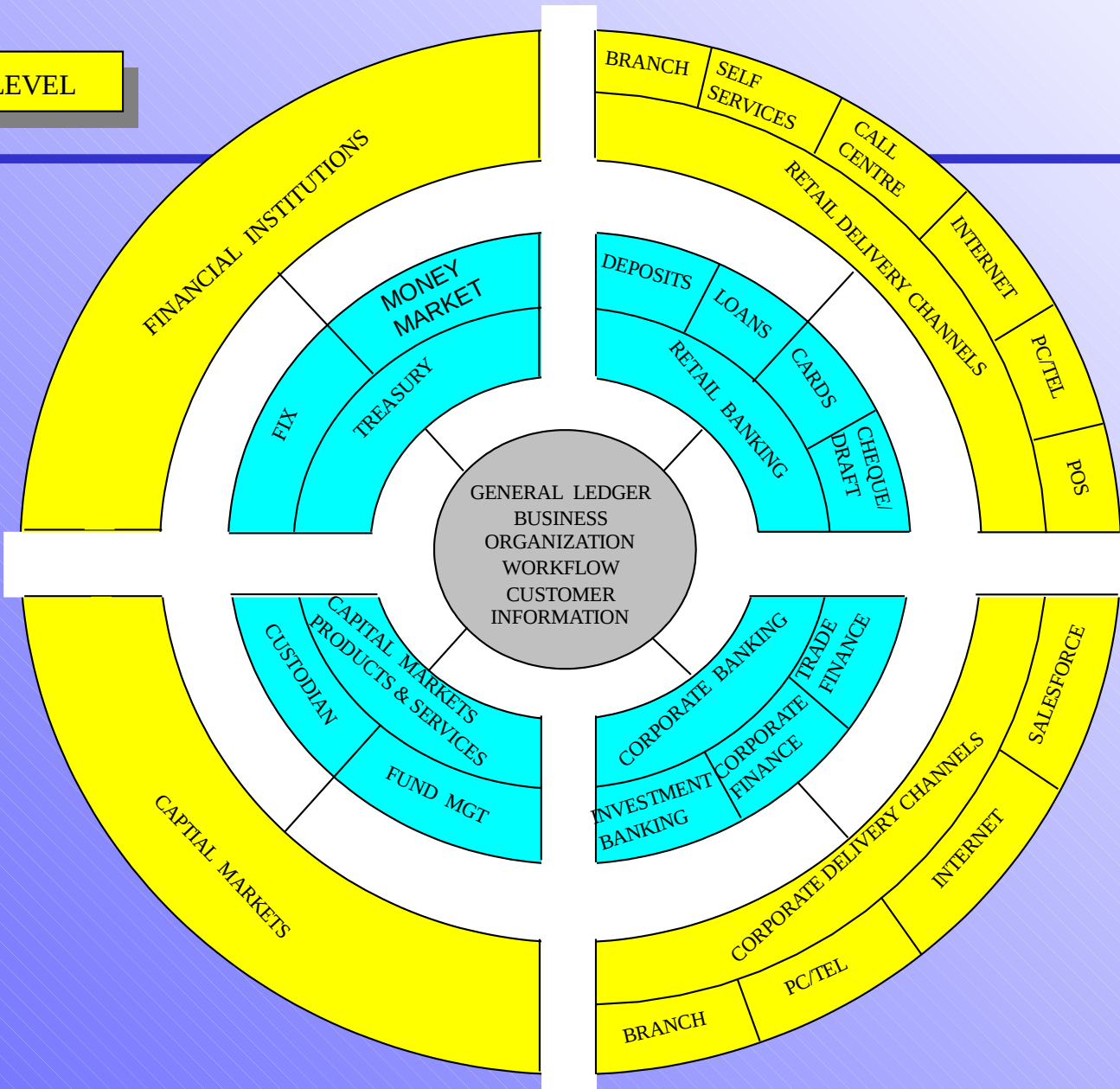
OPERATIONAL VIEW



OPERATIONAL VIEW



OPERATION LEVEL

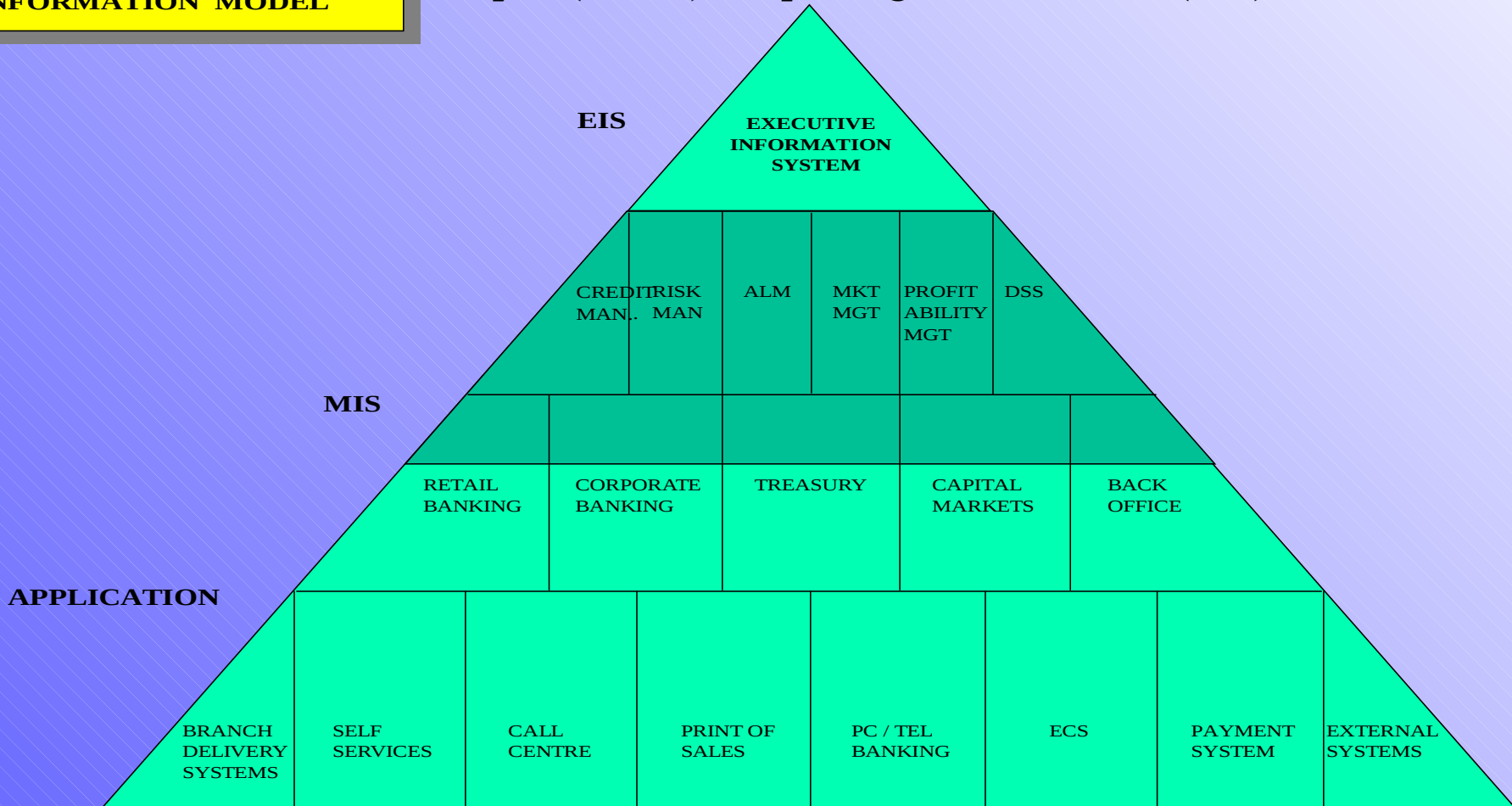


Lớp cấu trúc nghiệp vụ & luồng thông tin



- Lớp 1 (Tear 1): Lớp ứng dụng (Application)**
- Lớp 2 (Tear 2): Lớp thông tin quản lý (MIS)**
- Lớp 3 (Tear 3): Lớp thông tin Điều hành (EIS)**

INFORMATION MODEL



OPERATION LEVEL : SOLUTION VIEW



CORE SYSTEM				BACK OFFICE
RETAIL	CORP	CAPITAL	TREASURY	
<ul style="list-style-type: none"> - DEPOSITS - LOANS - CARDS - CHEQUE - DRAFT 	<ul style="list-style-type: none"> - CORPORATE FNANCE - INVESTMENT BANKING 	<ul style="list-style-type: none"> - FUND MANAGEMENT - CUSTODIAN 	<ul style="list-style-type: none"> - F/X - MONEY MARKET 	

DELIVERY SYSTEM						EXTERNAL INTERFACE							
- BRANCH	- SELF SERVICES	- CALL CENTRE	- INTERNET	- PC/TEL	- POS	S	T	E	E	E	S	G	D
						W	E	D	F	C	W	I	E
						I	L	I	I	S	I	R	A
						F	E				T	O	L
						T	X				C		I
											H		N
													G

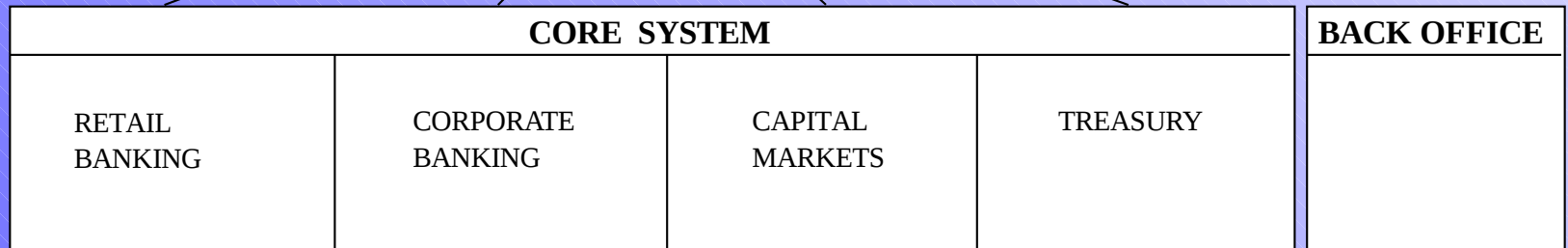
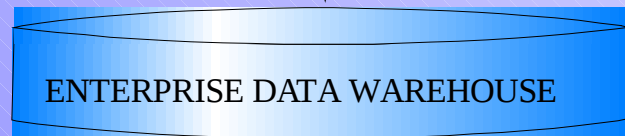
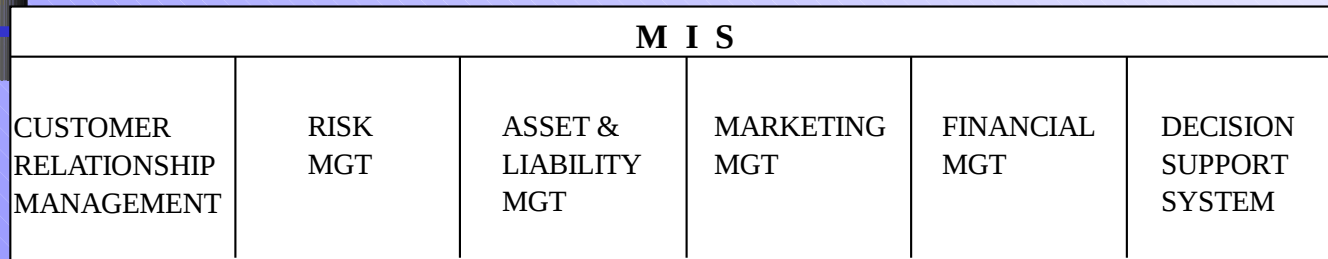
RETAIL	CORPORATE	FINANCIAL - INSTITUTIONS
--------	-----------	--------------------------



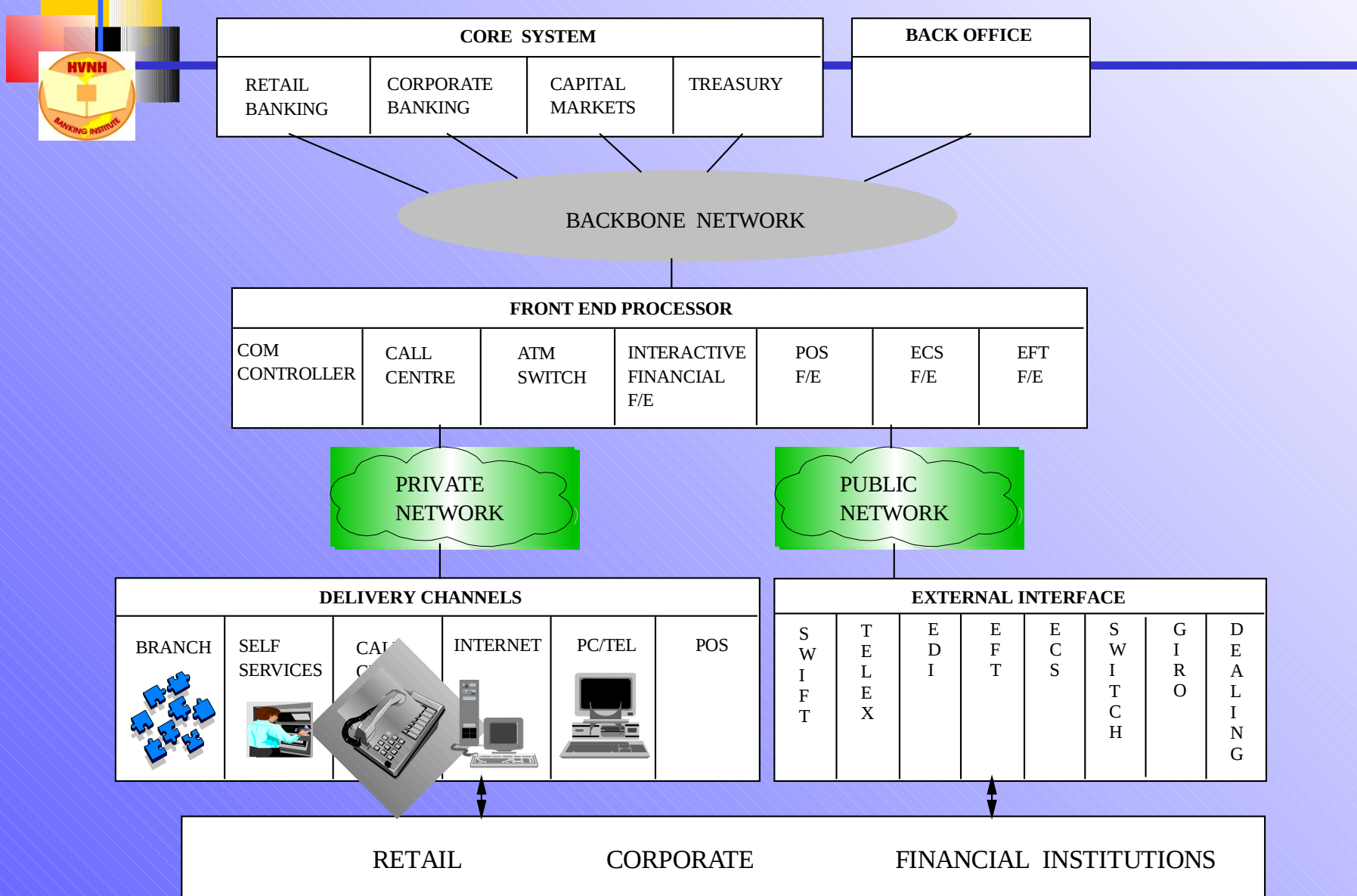
MANAGEMENT INFORMATION SYSTEM					
CUSTOMER RELATIONSHIP MANAGEMENT	RISK MGT	ASSET & LIABILITY MGT	MARKETING MGT	FINANCIAL MGT	DECISION SUPPORT SYSTEM

CORE SYSTEM				BACK OFFICE
RETAIL BANKING	CORPORATE BANKING	CAPITAL MARKETS	TREASURY	

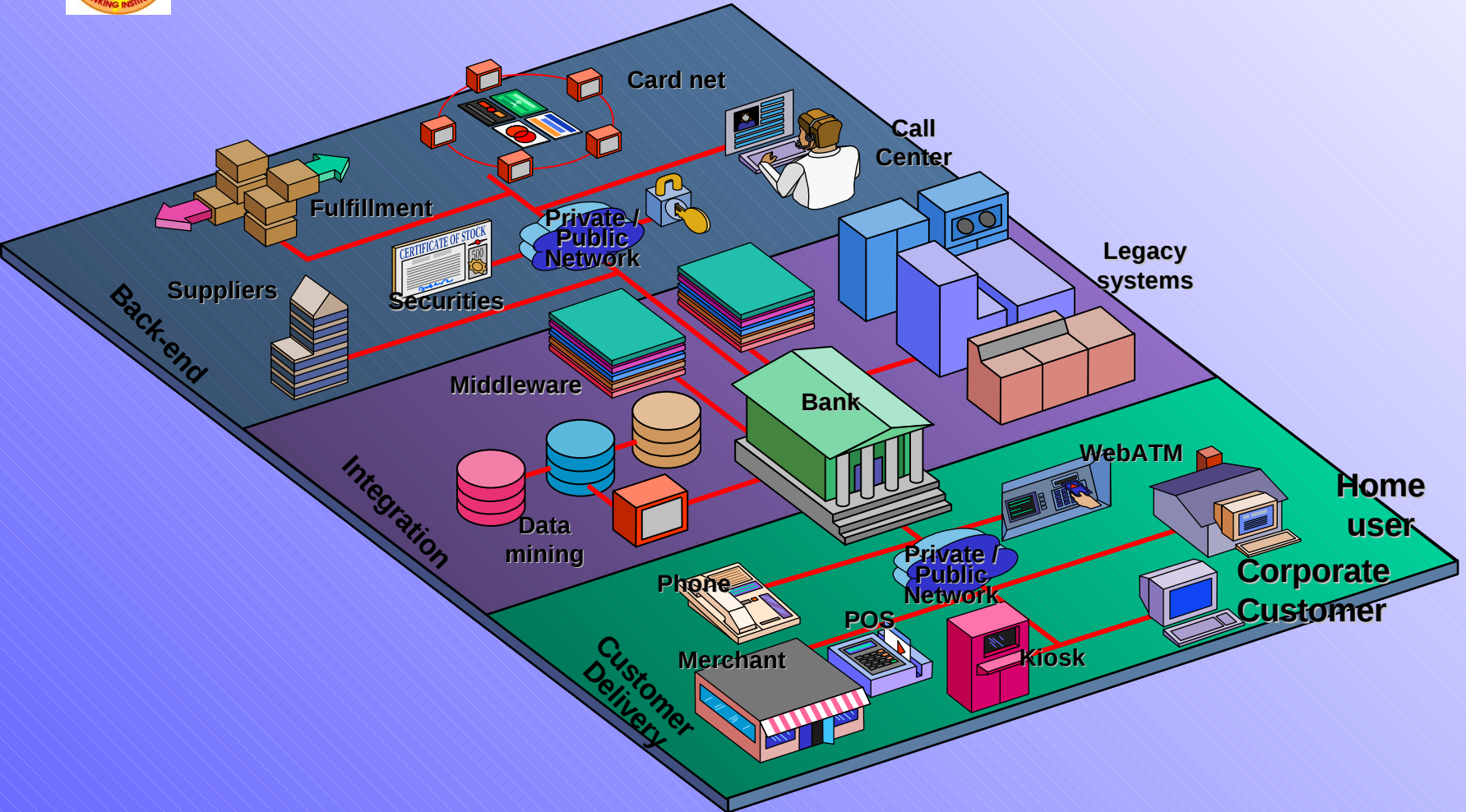
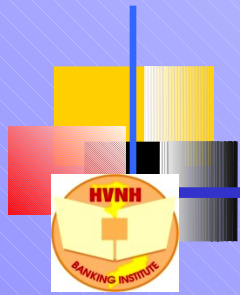
BUSINESS LEVEL : SYSTEM VIEW



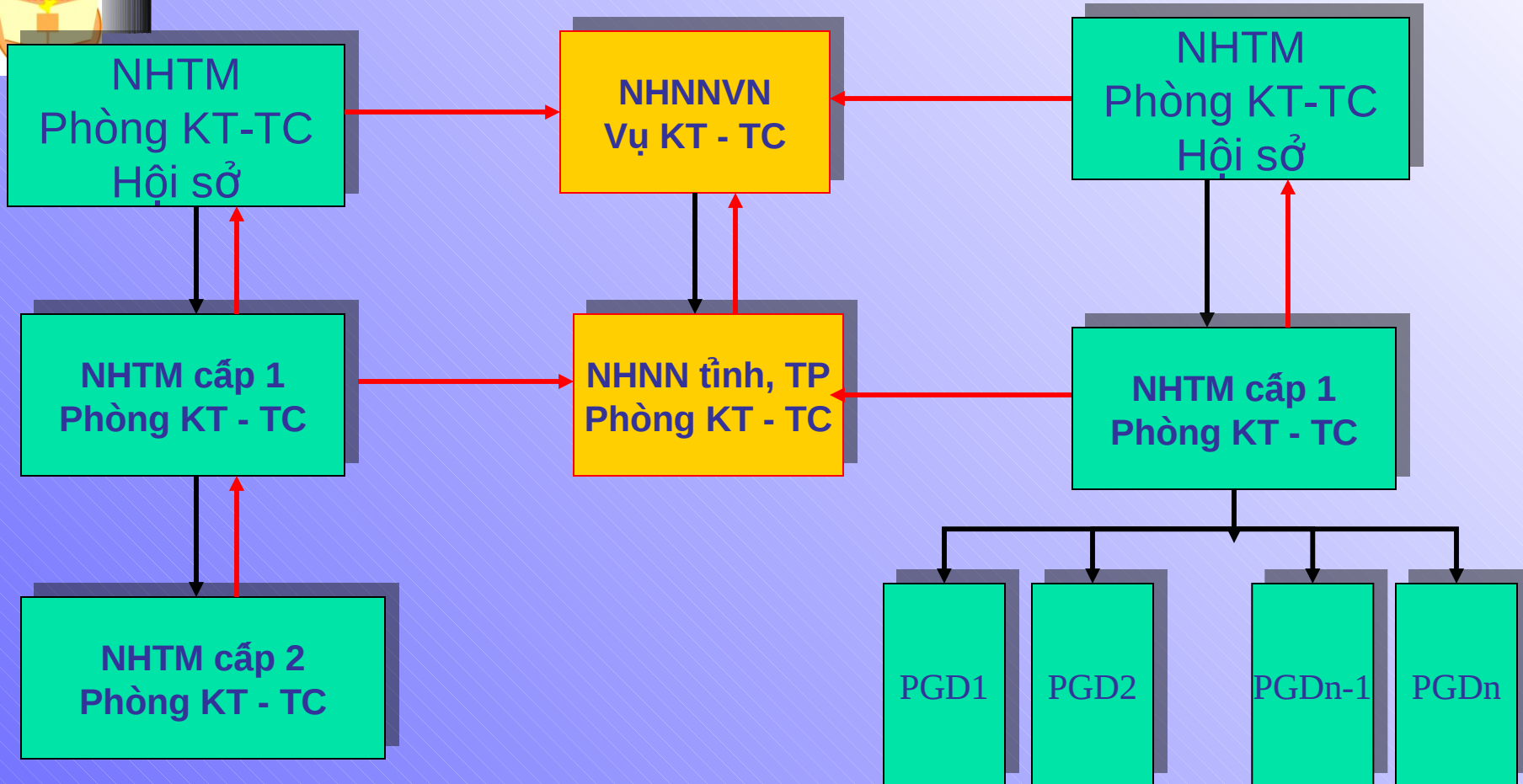
OPERATION LEVEL : SYSTEM VIEW



Cấu trúc Ngân hàng



Sơ đồ bộ máy kế toán của hệ thống Ngân hàng Việt Nam



Nội dung tổ chức công tác kế toán ngân hàng



Nội dung của tổ chức công tác kế toán tại đơn vị ngân hàng

- Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ
 - Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng
 - Tổ chức thực hiện hệ thống báo cáo kế toán
 - Tổ chức vận dụng hình thức kế toán thích hợp
 - Lựa chọn mô hình, tổ chức bộ máy kế toán
 - Tổ chức trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật tiến tới hiện đại hoá công tác kế toán
 - Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, trình độ quản lý
- Xác định số lượng kế toán
 - Phân định rõ chức năng của từng người, từng bộ phận
 - Xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ, tài liệu, thông tin.

Yêu cầu tổ chức lao động kế toán ngân hàng



- Đảm bảo hoạt động kế toán được tiến hành trôi chảy, an toàn, thuận tiện & nhanh chóng, chính xác có tính đến hệ thống kế toán tự động
- Đảm bảo nguyên tắc luân chuyển CtỪ, kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống nhằm bảo vệ an toàn tài sản
 - Thời gian giao dịch tối thiểu, an toàn chính xác
 - Đẩy dịch vụ Ngân hàng ra khỏi Ngân hàng, thực hiện giao dịch 24/24; 7/7 & 365/365
 - Sử dụng cơ chế tự động, tạm lưu & chuyển tiếp cao
 - Kết hợp giao dịch với khách hàng & kiểm soát xử lý nghiệp vụ

Các nguyên tắc, yêu cầu kế toán cơ bản áp dụng trong ngân hàng



Các yêu cầu kế toán cơ bản

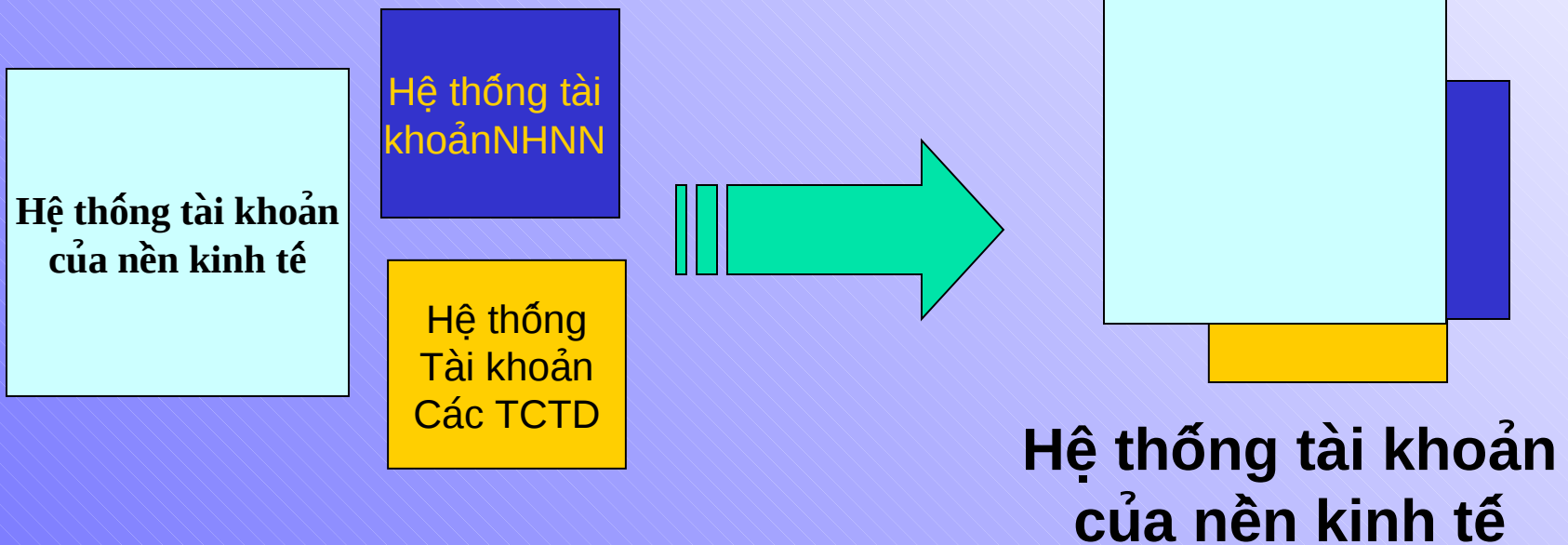
- Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo kế toán.
- Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán.
- Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán.
- Phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế tài chính.
- Thông tin, số liệu kế toán phải được phản ánh liên tục, kế tiếp theo số liệu kế toán của kỳ trước.
- Phân loại, sắp xếp thông tin, số liệu kế toán theo trình tự, có hệ thống và có thể so sánh được.

Tài khoản kế toán ngân hàng

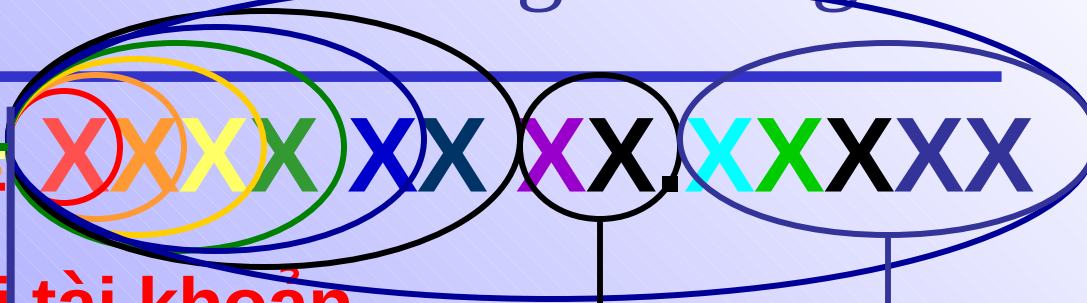


- *Khái niệm: Là một công cụ để ghi chép, phản ánh sự tăng giảm các khoản mục tài sản. Cung cấp thông tin cho QLý,KTra*
- **Đặc điểm:**
 - Tài sản phản ánh trên TK chủ yếu là giá trị
 - Hiện nay không SD tài khoản thống nhất của nền KT
 - Đại bộ phận là tài khoản khách hàng mở, tài khoản nội bộ ít
 - Một số NH xây dựng hệ thống tài khoản khách hàng & hệ thống tài khoản sổ cái

Mô hình xây dựng hệ thống tài khoản thống nhất cho nền kinh tế



Cấu trúc tài khoản kế toán Ngân hàng



X

XX

XXX

XXXX

XXXXXX

XXXXXXX

XX

XXXXXX

Loại tài khoản

Tài khoản cấp I

Tài khoản cấp II

Tài khoản cấp III

Tài khoản cấp IV

Tài khoản cấp V

Ký hiệu tiền tệ

Số chạy tuần tự

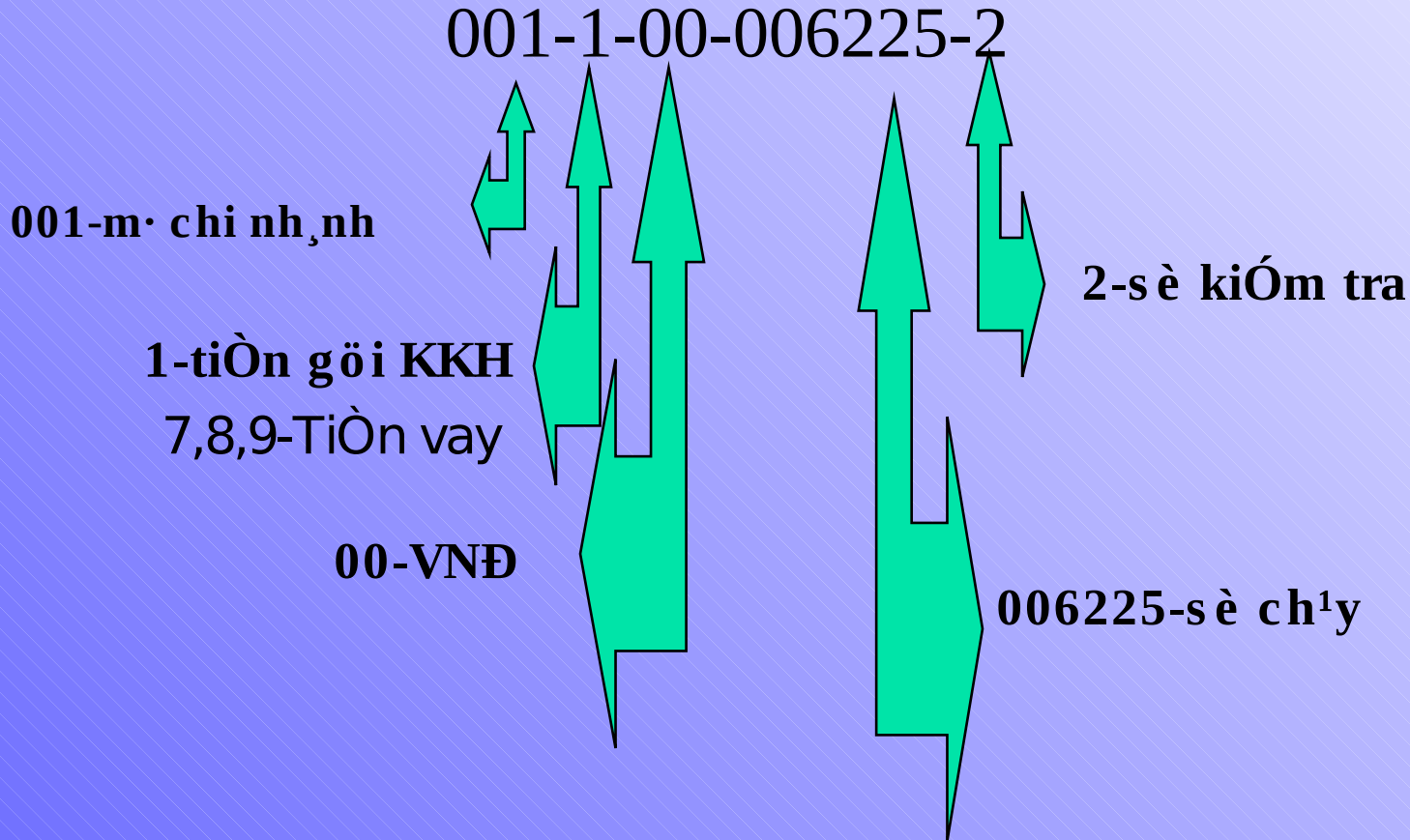
Tài khoản tổng hợp, phân tích



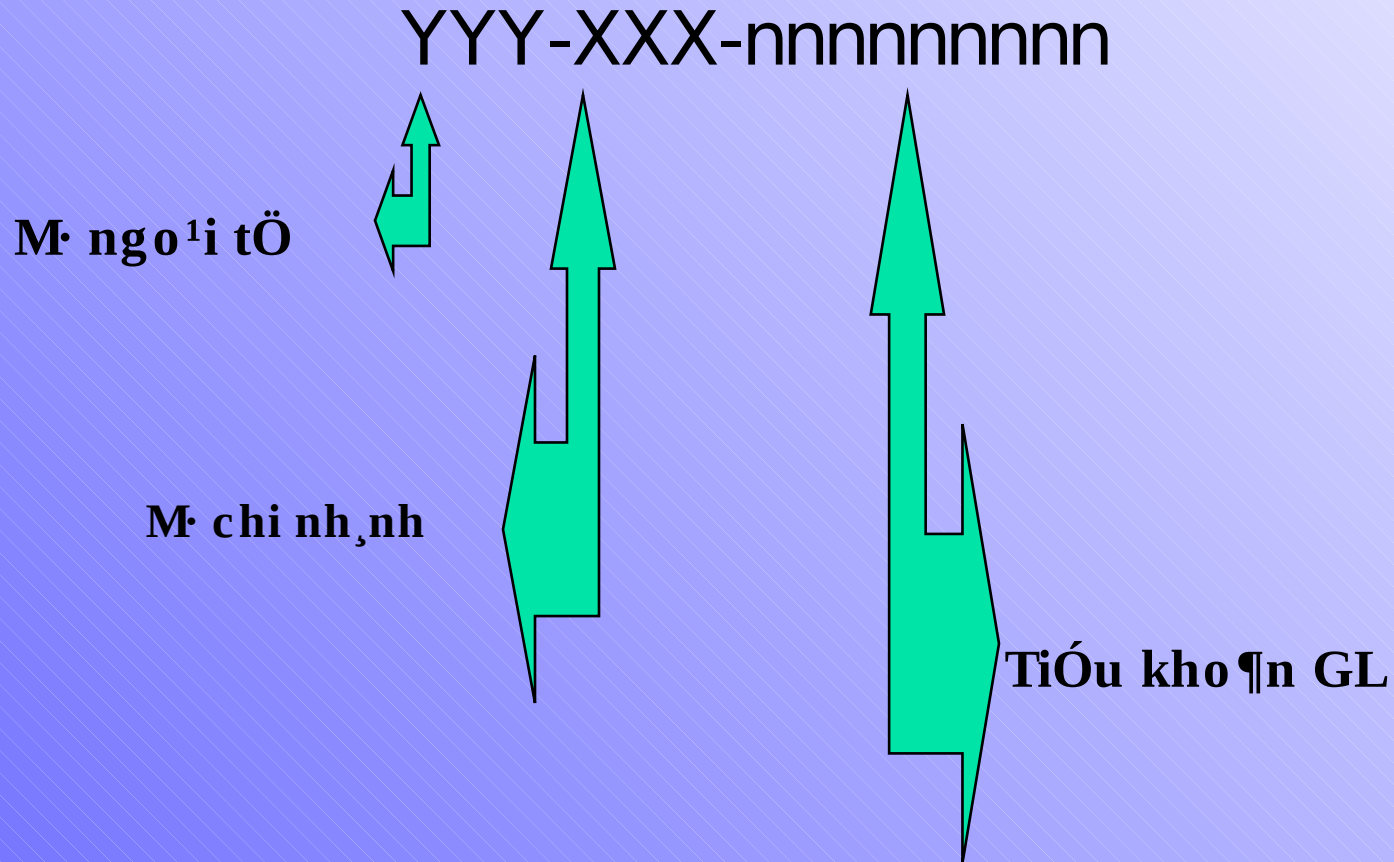
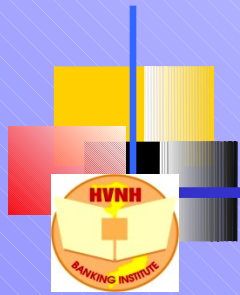
- Tài khoản tổng hợp cấp I Bao gồm 2 chữ số đầu tiên
- Tài khoản tổng hợp cấp II Bao gồm 3 chữ số đầu tiên
- Tài khoản tổng hợp cấp III Bao gồm 4 chữ số đầu tiên
- NHNN quản lý các TCTD đến tài khoản cấp III
- Các tài khoản cấp IV, cấp V các TCTD tự xây dựng
- Tiếp theo là 2 chữ số ký hiệu loại tiền tệ
- Dấu chấm thập phân
- Từ 3-6 chữ số chạy tuần tự
- Tổng tất cả các chữ số trên là tài khoản phân tích hay còn gọi là tài khoản chi tiết
- Tài khoản ngoại bảng cũng tương tự nhưng chỉ QLý đến cấp III

vÝ dÔ

Cấu trúc tài khoản khách hàng của VCB



Cấu trúc tài khoản số cái GL của VCB



Ví dụ: Tài khoản sổ cái



➔ 110101001 – Tiền mặt t¹i quĩ

➔ VND001110101001 – Tiền mặt VNĐ t¹i quĩ

➔ USD007110101001-Tiền mặt USD t¹i quĩ

➔ 260101001 – tiền gửi thanh toán của chi nhánh

➔ 120101001-tiền gửi t¹i NHNN

➔ 120101001 – tiền gửi ẽ ng©n hụng n-íc ngoµi

Nguyên tắc xây dựng hệ thống tài khoản KTNH



Phải phù hợp với luật NHNN, luật TCTD

- Phải phù hợp với chức năng nghiệp vụ của ngân hàng
- Phải phù hợp với hệ thống chỉ tiêu của nền kinh tế
- Phải phù hợp với chuẩn mực khu vực & Quốc tế
- Phải ổn định tương đối trong thời gian dài
- Phải có khả năng tổng hợp và phân tích trên hệ thống công nghệ hiện đại, tiến tới tự động hoá công tác hạch toán kế toán.
- Phải XD hệ thống tài khoản “Mở”, để phát triển trong tương lai

Khái niệm, ý nghĩa



Khái niệm: Là bằng chứng chứng minh tính hợp pháp hợp lệ các nghiệp vụ kinh tế đã & đang diễn ra tại các cơ quan NH, là căn cứ để hạch toán

- Ý nghĩa:
 - Là căn cứ pháp lý để ghi sổ, kiểm soát, kiểm toán, thanh tra.
 - Là công cụ hữu hiệu trong việc bảo vệ an toàn tài sản NH
 - Tăng cường & củng cố chế độ hạch toán kinh tế
 - Cung cấp thông tin kinh tế tài chính phục vụ quản lý, quản trị kinh doanh ngân hàng.

Đặc điểm chứng từ KTNH



- Có khối lượng lớn, quy trình luân chuyển phức tạp
- Chủ yếu do khách hàng lập và nộp vào ngân hàng
- Sử dụng cả chứng từ giấy thông thường và chứng từ điện tử.
- Thường sử dụng chứng từ gốc kèm ghi sổ
- Lưu trữ chứng từ lâu dài và bảo quản khá phức tạp
- Một số chứng từ không tuân theo chuẩn, không nằm trong hệ thống chứng từ do bộ Tài chính ban hành.

Chứng từ điện tử



- **Khái niệm:** Là chứng từ với đầy đủ nội hàm của nó. Tuy nhiên, nó tồn tại dưới dạng thông tin điện tử trên các vật mang tin.
- **Đặc điểm**
 - Có khả năng lưu trữ khối lượng lớn, lâu dài
 - Thời gian truy xuất thông tin nhanh chóng, chính xác
 - Thời gian luân chuyển chứng từ an toàn thuận tiện nhanh chóng, chính xác
 - Hỗ trợ các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại
- **Điều kiện**
 - Cần có nền tảng công nghệ, viễn thông hiện đại
 - Có môi trường pháp lý ổn định,
 - Trình độ dân trí cao, trình độ quản lý của cán bộ ngân hàng cao
 - Đòi hỏi hệ thống bảo mật cao

Tổ chức luân chuyển chứng từ

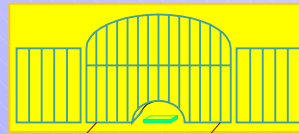


- Khái niệm: Là trật tự & các giai đoạn chứng từ phải trải qua kể từ khi phát sinh đến khi lưu trữ.
- Ý nghĩa:
 - Việc tổ chức hạch toán sẽ an toàn, nhanh chóng, chính xác. Tăng NS lao động, tăng nhanh vòng quay vốn
 - Cung cấp thông tin kịp thời cho QL, QT, KD ngân hàng
 - Góp phần tăng cường kỷ luật tài chính củng cố chế độ hạch toán, ngăn chặn, hạn chế tham ô lợi dụng...

Giá sản phẩm dịch vụ theo WB



Bank Clerk



\$USD 2.75

Call Cente (Human)



\$USD 1.50

ATM Transaction



\$USD 0.25

Internet Banking



\$USD 0.005

Xin trân trọng cảm ơn



- thinhhvnh@yahoo.com
- 0983505467
- 048525995